

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 13/QĐ-STP ngày 08/02/2023 của Giám đốc Sở Tư pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Tịnh Giang, Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, từ ngày 21/02/2023 đến ngày 22/02/2023, Đoàn Thanh tra Sở Tư pháp đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét Báo cáo số 12/BC-ĐTTr ngày 09/3/2022 của Trưởng Đoàn Thanh tra, ý kiến giải trình của UBND xã Tịnh Giang; Giám đốc Sở Tư pháp kết luận thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. Khái quát về đặc điểm, tình hình hoạt động của đơn vị

1. Đặc điểm, tình hình

Tịnh Giang là xã miền núi, nằm về phía Tây Nam của huyện Sơn Tịnh, diện tích tự nhiên 1.708,46 ha, người dân chủ yếu sống bằng nghề nông. Xác định vai trò và tầm quan trọng của công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch đối với hoạt động quản lý nhà nước; thời gian qua, Lãnh đạo UBND xã Tịnh Giang đã quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi để công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch của công dân trên địa bàn xã; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch cũng luôn được chú trọng triển khai thực hiện, tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ và Nhân dân dưới hình thức lồng ghép trong các cuộc họp thôn, xóm, phát trên đài phát thanh xã.

Về biên chế tham mưu công tác tư pháp: UBND xã bố trí 02 công chức tư pháp - hộ tịch đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc: UBND xã đã trang bị 02 máy vi tính, 02 máy in kết nối internet, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/02/2023), UBND xã Tịnh Giang đã thực hiện đăng ký khai sinh cho 178 trường hợp, trong đó: đăng ký đúng hạn 72 trường hợp, đăng ký quá hạn 61 trường hợp, đăng ký lại 45 trường hợp; đăng ký kết hôn cho 110 trường hợp, trong đó: đăng ký lần đầu 83 trường hợp, đăng ký lại 27 trường hợp; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho 161 trường hợp; đăng ký khai tử cho 71 trường hợp, trong đó: đăng ký đúng hạn 37 trường hợp, đăng ký quá hạn 33 trường hợp, đăng ký lại 01 trường hợp; đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho 10 trường hợp.

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/02/2023), UBND xã Tịnh Giang đã thực hiện chứng thực 98 trường hợp, trong đó: 46 hợp đồng chuyên nhượng, 22 hợp đồng tặng cho, 26 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và 04 văn bản khai nhận di sản thừa kế.

II. Kết quả thanh tra

1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

1.1. Sổ hộ tịch, hồ sơ lưu trữ

- Việc sử dụng Sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch đúng biểu mẫu về sổ, giấy tờ hộ tịch do Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; hồ sơ hộ tịch được lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học, thuận tiện cho công tác quản lý, tra cứu.

- UBND xã không thực hiện đóng dấu giáp lai và khóa Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: “Sổ hộ tịch phải được đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối cùng ngay từ khi mở sổ. Sổ được ghi liên tiếp theo thứ tự từng trang, không được bỏ trống”; khoản 3 Điều 11 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: “Trước ngày 05 tháng 01 của năm sau, công chức làm công tác hộ tịch phải khóa Sổ hộ tịch; thống kê đầy đủ, chính xác và ghi tổng số việc hộ tịch đã đăng ký của năm trước vào trang liền kề với trang đăng ký cuối cùng của năm; ký, ghi rõ họ tên, chức danh; báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch ký, đóng dấu xác nhận” và Điều 36 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: “Ngày khóa sổ trong trường hợp hết sổ mà chưa hết năm là ngày đăng ký sự kiện hộ tịch cuối cùng của sổ; trường hợp hết năm mà chưa dùng hết sổ thì khóa sổ vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Công chức làm công tác hộ tịch phải thống kê rõ tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký trong sổ, sổ trường hợp ghi sai sót phải sửa chữa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Thông tư này, số trang bị bỏ trống (nếu có). Sau

khi thống kê theo quy định tại khoản 2 Điều này, công chức làm công tác hộ tịch phải ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên; báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch ký xác nhận, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu”.

- Một số trường hợp bỏ trống thông tin trong Sổ đăng ký khai tử là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: *“Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này”.* Cụ thể: Tại số đăng ký 12, 13/2022, không ghi thông tin người ký Trích lục khai tử; số 06/2022, không ghi thông tin giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký.

- Khi đăng ký hộ tịch có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa nội dung trong Sổ hộ tịch vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: *“Trong quá trình đăng ký hộ tịch mà có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa.... Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót”.* Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh: tại số đăng ký 114/2022, sửa chữa thông tin, không ghi chú vào Cột “ghi chú”; số đăng ký 117/2022, không ghi ngày, tháng, năm sửa chữa thông tin ở Cột “ghi chú”; trong Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: tại số đăng ký 10, 125, 126/2022, sửa thông tin bằng cách tẩy xóa, viết đè; trong Sổ đăng ký khai tử: tại số đăng ký 02/2022, sửa thông tin ngày chết bằng cách viết đè; số đăng ký 05, 11, 23, 30/2022, sửa thông tin tháng chết bằng cách tẩy xóa, viết đè.

1.2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hộ tịch

a) Đăng ký khai sinh

- Nhiều trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh không đúng thủ tục quy định tại điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: *“3. Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ sau đây là cơ sở để xác định nội dung đăng ký lại khai sinh: a) Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; b) Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; c) Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; d) Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân. Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật theo quy định tại Điều 5 Thông tư này; 4. Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ,*

con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan”. Cụ thể: Hồ sơ số 30, 32, 33, 65, 66/2022, không có văn bản cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh về việc đã nộp đủ các loại giấy tờ mình có; hồ sơ số 44, 47, 49, 52, 53, 80, 93, 100, 102, 113, 115, 116, 118, 120, 121, 122, 123, 124, 127, 131, 135/2022, không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con nhưng UBND xã không thực hiện việc xác minh thông tin cha, mẹ tại cơ quan công an có thẩm quyền; hồ sơ số 09, 10, 21, 22, 23, 25, 26, 35, 59, 63, 67, 87/2022, không có văn bản cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh về việc đã nộp đủ các loại giấy tờ mình có, không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con nhưng UBND xã không thực hiện việc xác minh thông tin cha, mẹ tại cơ quan công an có thẩm quyền.

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP: *“Trường hợp người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên; riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này”*. Tuy nhiên, 02 trường hợp, UBND xã xác định nội dung khai sinh đăng ký lại không đúng quy định. Cụ thể: Hồ sơ số 23/2022, Sổ hộ khẩu kèm theo ghi sinh ngày 05/9/1960, CMND kèm theo ghi sinh ngày 04/6/1960, Sổ bảo hiểm xã hội kèm theo ghi sinh ngày 04/6/1960, nội dung khai sinh đăng ký lại ghi sinh ngày 04/6/1960; hồ sơ số 54/2022, CMND kèm theo ghi Nguyễn Nông, sinh ngày 01/01/1957, Quyết định xuất ngũ kèm theo ghi Nguyễn Văn Đông, sinh ngày 30/5/1982, nội dung khai sinh đăng ký lại ghi Nguyễn Văn Đông, sinh ngày 01/01/1957.

- 02 trường hợp (hồ sơ số 91, 160/2022), UBND xã đăng ký khai sinh cho trẻ ghi thông tin người cha, nội dung văn bản thừa nhận con chung thể hiện là vợ chồng; tuy nhiên, hồ sơ không có tài liệu chứng minh cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư 04/2020/TT-BTP: *“Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, chưa được đăng ký khai sinh mà khi đăng ký khai sinh, vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì thông tin về người cha được ghi ngay vào Giấy khai sinh của người con mà không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, con. Trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cung cấp thông tin về người mẹ và lập văn bản thừa nhận con chung không đúng sự thật tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này theo quy định tại Điều 5 Thông tư này”*.

b) Đăng ký kết hôn

- 01 trường hợp, UBND xã đăng ký lại kết hôn, xác định ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân (ngày tháng năm đăng ký kết hôn trước đây) không đảm bảo độ tuổi kết hôn quy định tại Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959: “*Con gái từ 18 tuổi trở lên, con trai từ 20 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Cụ thể: Hồ sơ số 44/2022, người chồng sinh ngày 06/6/1961, ngày xác lập quan hệ hôn nhân 28/4/1979, tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, người chồng chỉ 18 tuổi.

- Nhiều trường hợp, người yêu cầu đăng ký sử dụng và ghi chép biểu mẫu Tờ khai đăng ký lại kết hôn không đúng quy định của Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Cụ thể: Hồ sơ số 09, 15, 18, 21, 22, 24, 25, 29, 39, 40, 49, 51, 53, 68/2022, không ghi thông tin về ngày tháng năm đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn trước đây trong Tờ khai đăng ký lại kết hôn; hồ sơ số 62, 63, 75/2022, không sử dụng Tờ khai đăng ký lại kết hôn mà sử dụng Tờ khai đăng ký kết hôn.

c) Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch

- Tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch quy định: “*Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự*”, điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*1. Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp sau đây: Theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó*”. Tuy nhiên, 01 trường hợp, UBND xã đăng ký thay đổi tên vi phạm quy định. Cụ thể: Hồ sơ số 02/2022, thay đổi tên, chữ đệm, Nguyễn Gia Hân thành Nguyễn Ái Vi, chỉ có Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch, không có căn cứ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- 02 trường hợp, UBND xã đăng ký cải chính thông tin người cha trong Giấy khai sinh của con, hồ sơ không thể hiện thông tin người cha trong Giấy khai sinh của con và thông tin cá nhân trên giấy tờ làm cơ sở cải chính là một người. Cụ thể: Hồ sơ số 01/2022, cải chính tên, chữ đệm người cha; hồ sơ số 06/2022, cải chính năm sinh người cha.

d) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (XNTTHN)

- Nhiều trường hợp, người yêu cầu cấp Giấy XNTTHN để sử dụng vào mục đích khác như “*Giao dịch dân sự*”, không phải để kết hôn, tại mục ghi “*Mục đích sử dụng...*” trong Giấy XNTTHN không có nội dung “*không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn*” là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: “*Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn, thì người yêu cầu không phải đáp ứng điều kiện kết hôn; trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi rõ mục đích sử dụng, không có giá trị sử dụng để đăng ký kết hôn*”. Cụ thể: Hồ sơ số 08, 10, 19, 33, 38, 39, 42, 43, 44, 45, 47, 52, 54, 55, 69, 70, 71, 72, 76, 38, 90, 103, 120, 121, 123, 124, 134, 137/2022.

- Một trường hợp, nội dung mục “Tình trạng hôn nhân...” trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ghi không đúng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: “*Nếu người đang có vợ/chồng yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian trước khi đăng ký kết hôn thì ghi rõ là trong thời gian từ ngày...tháng....năm....đến ngày...tháng.....năm....chưa đăng ký kết hôn với ai; hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông... (Giấy chứng nhận kết hôn số ..., do ... cấp ngày...tháng...năm)*”. Cụ thể: Hồ sơ số 38/2022, bà Huỳnh Thị Trà đã đăng ký kết hôn với ông Hà Kiên tại UBND phường 14, quận 5, TP Hồ Chí Minh vào ngày 26/12/2016, số đăng ký 87/2016, tại mục “Tình trạng hôn nhân...” ghi “*Từ ngày 24/12/2016 trở về trước chưa đăng ký kết hôn với ai*”.

d) Đăng ký khai tử

Một số trường hợp, UBND xã đăng ký khai tử cho người chết, hồ sơ chỉ có Tờ khai đăng ký khai tử, Biên bản xác minh việc chết thể hiện thành phần xác minh chỉ có công chức tư pháp - hộ tịch, không có người chứng kiến hoặc người biết về sự kiện chết là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: “*1. Trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP thì người yêu cầu đăng ký khai tử phải cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết*”. Cụ thể: Hồ sơ số 02/2022 (Nguyễn Nhỏ chết năm 1985); số 05 (Nguyễn Thị Ngọc chết năm 1988); số 11 (Nguyễn Thị Liên chết năm 2004); số 30 (Nguyễn Giới chết năm 2008), chỉ có Tờ khai đăng ký khai tử.

2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

2.1. Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch

- UBND xã sử dụng Sổ chứng thực theo đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Sổ được đóng dấu giáp lai, khóa sổ đúng quy định.

- Không thực hiện đánh số trang, bỏ trống thông tin trong Sổ chứng thực là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “*Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm*”.

- Một số trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa thông tin trong Sổ chứng thực bằng cách tẩy xóa, ghi đè thông tin là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “*Người thực hiện chứng thực gạch chân lỗi sai sót cần sửa, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa, họ tên, chữ ký của người sửa, ngày tháng năm sửa*”. Cụ thể: Sổ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng 44, 45, 85, 86, 91/2022; sổ chứng thực hợp đồng tặng cho 01, 69/2022.

2.2. Hồ sơ, thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch được lưu trữ đầy đủ; phần lớn các trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch đều đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định.

- Tài liệu trong hồ sơ chứng thực không sắp xếp theo thứ tự, khó khăn cho việc lưu trữ và tra cứu. Toàn bộ hợp đồng, giao dịch do UBND xã chứng thực đều thể hiện việc nhận và trả hồ sơ tại bộ phận Một cửa của xã; tuy nhiên, có hồ sơ lưu Phiếu hẹn, có hồ sơ không lưu Phiếu hẹn của bộ phận Một cửa.

- Nhiều trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch, hồ sơ lưu trữ không đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch; b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng. Bản sao giấy tờ quy định tại Điểm b và Điểm c của Khoản này được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu”*. Cụ thể: Hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 01, 07, 08, 22, 26, 31, 37, 46, 51, 54, 64, 80, 88, 90, 93, 96/2022; số 01, 03, 04, 05, 07, 08/2023; hồ sơ chứng thực hợp đồng tặng cho số 01, 10, 24, 58, 89, 97/2022; số 02, 06/2023, đều không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 21, 39, 43, 70/2022; hồ sơ chứng thực hợp đồng tặng cho số 07, 29/2022, chỉ có hợp đồng. Hầu hết các trường hợp chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế và Văn bản khai nhận di sản thừa kế đều không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 03 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng chuyển nhượng, người tiếp nhận hồ sơ không ký vào trang lời chứng của hợp đồng là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ, hồ sơ. Nếu thấy đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch trước khi người có thẩm quyền thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định”*. Cụ thể: Hồ sơ số 01, 64, 39/2022.

- 02 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng chuyển nhượng, các bên tham gia giao dịch không ký từng trang hợp đồng là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao*

dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai". Cụ thể: Hồ sơ số 39, 43/2022.

- 01 trường hợp, UBND xã chứng thực Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 90/2021, hồ sơ chỉ lưu Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán, nội dung của Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán không thể hiện Hợp đồng mua bán số 90/2021 do ai chứng thực, ngày tháng chứng thực; đồng thời, không thu hồi hợp đồng mua bán số 90/2021 là không đúng với quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP: *"1. Khi yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì người yêu cầu chứng thực phải xuất trình giấy tờ tùy thân còn giá trị sử dụng để người thực hiện chứng thực kiểm tra và nộp 01 (một) bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau đây: Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực. 2. Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch có liên quan đến tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc giấy tờ thay thế được pháp luật quy định và xuất trình bản chính để đối chiếu"*.

- Một số hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ghi thứ tự các điều, khoản trong hợp đồng không liên tục (tiếp theo điều 6 ghi điều 10), cụ thể: Hợp đồng số 94, 27, 22, 07, 08, 64/2022.

- Một số trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch có đối tượng tài sản là quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, hồ sơ không thể hiện số người trong hộ gia đình tại thời điểm cấp đất đủ điều kiện tham gia giao dịch, như: Hợp đồng chuyển nhượng số 94, 32, 33, 30, 28/2022; Hợp đồng tặng cho số 28, 63, 94, 47, 91, 44, 45, 01, 69, 17, 08/2022.

- Một số trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đứng tên một người, hồ sơ không thể hiện người đó được toàn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất giao dịch, như: Hợp đồng chuyển nhượng số 25, 13, 12, 08, 75, 77, 86, 85, 51/2022; hợp đồng tặng cho số 01, 02, 06, 04, 53/2023.

- Hầu hết các trường hợp chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế và Văn bản khai nhận di sản thừa kế, hồ sơ không thể hiện thông tin xác định về thời điểm mở thừa kế, thông tin xác định về những người được hưởng di sản thừa kế.

III. Kết luận nội dung thanh tra

1. Kết quả đạt được

Lãnh đạo UBND xã Tịnh Giang đã quan tâm, chỉ đạo thực hiện công tác đăng ký hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch đạt được một số kết quả tích cực. Việc sử dụng sổ, giấy tờ về hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch đảm bảo theo biểu mẫu quy định; hồ sơ đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch lưu trữ đầy đủ; phần lớn các trường hợp đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch đều tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

2. Tồn tại, sai sót

2.1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

- UBND xã không thực hiện đóng dấu giáp lai và khóa Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 36 Thông tư số 04/2020/TT-BTP và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; 03 trường hợp, bỏ trống thông tin trong Sổ đăng ký khai tử, không đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP (*số đăng ký 06, 12, 13/2022*).

- 10 trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa nội dung trong Sổ hộ tịch bằng cách tẩy xóa, viết đè, không ghi chú trong Sổ hộ tịch, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Cụ thể: Sổ đăng ký khai sinh 114, 117/2022; số cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 10, 125, 126/2022; số đăng ký khai tử 02, 05, 11, 23, 30/2022.

- Nhiều trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh vi phạm thủ tục quy định tại điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Cụ thể: Hồ sơ số 30, 32, 33, 65, 66/2022, không có văn bản cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh; hồ sơ số 44, 47, 49, 52, 53, 80, 93, 100, 102, 113, 115, 116, 118, 120, 121, 122, 123, 124, 127, 131, 135/2022, không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; hồ sơ số 09, 10, 21, 22, 23, 25, 26, 35, 59, 63, 67, 87/2022, không có văn bản cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh, không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con.

- 02 trường hợp (*hồ sơ số 23, 54/2022*), UBND xã xác định nội dung khai sinh đăng ký lại không đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- 02 trường hợp (*hồ sơ số 91, 160/2022*), UBND xã đăng ký khai sinh cho trẻ có thông tin người cha, nội dung văn bản thừa nhận con chung thể hiện vợ chồng; tuy nhiên, hồ sơ không có tài liệu chứng minh cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư 04/2020/TT-BTP.

- 01 trường hợp (*hồ sơ số 44/2022*), UBND xã đăng ký lại kết hôn, xác định ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân không đảm bảo độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- 17 trường hợp, UBND xã đăng ký lại kết hôn, người yêu cầu đăng ký sử dụng và ghi chép biểu mẫu Tờ khai không đúng quy định của Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Cụ thể: Hồ sơ số 09, 15, 18, 21, 22, 24, 25, 29, 39, 40, 49, 51, 53, 68/2022, không ghi thông tin về ngày tháng năm đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn trước đây trong Tờ khai đăng ký lại kết hôn; hồ sơ số 62, 63, 75/2022, không sử dụng Tờ khai đăng ký lại kết hôn mà sử dụng Tờ khai đăng ký kết hôn.

- 01 trường hợp (*hồ sơ số 02/2022*), UBND xã đăng ký thay đổi tên, chữ đệm vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch.

- Nhiều trường hợp, người yêu cầu cấp Giấy XNTTHN, tại mục ghi “Mục đích sử dụng...” và mục “Tình trạng hôn nhân...” ghi không đúng quy định tại khoản 4 Điều 12 và khoản 1 Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT. Cụ thể: Hồ sơ số 08, 10, 19, 33, 38, 39, 42, 43, 44, 45, 47, 52, 54, 55, 69, 70, 71, 72, 76, 38, 90, 103, 120, 121, 123, 124, 134, 137/2022.

- 04 trường hợp (*hồ sơ số 02, 05, 11, 30*), UBND xã đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, hồ sơ không có giấy tờ, tài liệu chứng minh sự kiện chết, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Không thực hiện đánh số trang, bỏ trống thông tin trong Sổ chứng thực là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- 02 trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa thông tin trong Sổ chứng thực bằng cách tẩy xóa, ghi đè thông tin là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Sổ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng 44, 45, 85, 86, 91/2022; sổ chứng thực hợp đồng tặng cho 01, 69/2022.

- Nhiều trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 01, 07, 08, 22, 26, 31, 37, 46, 51, 54, 64, 80, 88, 90, 93, 96/2022; số 01, 03, 04, 05, 07, 08/2023; hồ sơ chứng thực hợp đồng tặng cho số 01, 10, 24, 58, 89, 97/2022; số 02, 06/2023, đều không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 21, 39, 43, 70/2022; hồ sơ chứng thực hợp đồng tặng cho số 07, 29/2022, chỉ có hợp đồng. Hầu hết các trường hợp chứng thực Văn bản phân chia di sản thừa kế và Văn bản khai nhận di sản thừa kế đều không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 03 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng chuyển nhượng vi phạm thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Cụ thể: Hồ sơ số 01, 64, 39/2022, người tiếp nhận hồ sơ không ký vào trang lời chứng của hợp đồng.

- 02 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng chuyển nhượng vi phạm thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Hồ sơ số 39, 43/2022, các bên tham gia giao dịch không ký từng trang hợp đồng.

- 01 trường hợp, UBND xã chứng thực Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 90/2021, không thu hồi hợp đồng mua bán số 90/2021 là chưa đảm bảo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

- 06 trường hợp (*hợp đồng số 94, 27, 22, 07, 08, 64/2022*), UBND xã chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các điều, khoản trong hợp đồng ghi không liên tục (tiếp theo điều 6 ghi điều 10).

3. Trách nhiệm

Chủ tịch UBND xã Tịnh Giang là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch; là người chịu trách nhiệm trước pháp

luật trong việc thực thi công tác này nhưng trong quá trình thực hiện, chưa thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở; chưa có biện pháp chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch. Bên cạnh đó, công chức tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ của công dân, chưa hướng dẫn công dân thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật, chưa thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật khi tham mưu giải quyết hồ sơ cho công dân. Do đó, việc thực hiện công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã còn một số tồn tại, sai sót.

IV. Kiến nghị biện pháp xử lý

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai sót; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị một số nội dung sau:

1. Đối với UBND xã Tịnh Giang

1.1. Lãnh đạo UBND xã Tịnh Giang tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót đã nêu tại Mục III Kết luận; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, nhắc nhở công chức tư pháp - hộ tịch trong quá trình thực hiện công tác này.

Công chức tư pháp - hộ tịch xã cần chủ động, tích cực nghiên cứu các quy định pháp luật về các lĩnh vực được phân công để hướng dẫn, yêu cầu công dân thực hiện quy trình, thủ tục theo đúng quy định pháp luật; áp dụng đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết hồ sơ cho công dân, từ đó, tham mưu tốt hơn cho lãnh đạo UBND xã trong hoạt động quản lý nhà nước về công tác tư pháp địa phương.

1.2. Đề nghị Chủ tịch UBND xã Tịnh Giang chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch tham mưu khắc phục những tồn tại, sai sót; cụ thể:

- *Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:*

+ Thực hiện đóng dấu giáp lai và khóa Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định; bổ sung thông tin còn thiếu trong Sổ đăng ký khai tử.

+ Bổ sung văn bản cam đoan về việc đã nộp đủ giấy tờ và giấy tờ, tài liệu làm cơ sở xác định thông tin về cha, mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh theo quy định tại điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP đối với các hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 09, 10, 21, 22, 23, 25, 26, 30, 32, 33, 35, 44, 47, 49, 52, 53, 59, 63, 65, 66, 67, 80, 87, 93, 100, 102, 113, 115, 116, 118, 120, 121, 122, 123, 124, 127, 131, 135/2022; bổ sung thông tin về tình trạng hôn nhân của vợ chồng đối với hồ sơ đăng ký khai sinh số 91, 160/2022.

+ Kiểm tra, xác minh hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 23, 54/2022 để điều chỉnh cho phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

+ Kiểm tra, xác minh hồ sơ đăng ký lại kết hôn số 44/2022 để điều chỉnh ngày tháng năm xác lập quan hệ hôn nhân, đảm bảo độ tuổi kết hôn theo quy định.

+ Khắc phục việc ghi chép thông tin trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

+ Bổ sung thông tin, tài liệu làm cơ sở đăng ký khai tử theo hướng dẫn tại Công văn số 1336/STP-HCTP&BTTP ngày 10/12/2021 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi (*hồ sơ số 02, 05, 11, 30/2022*).

+ Rút kinh nghiệm về việc chỉnh sửa lỗi kỹ thuật trong Sổ hộ tịch theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP.

- *Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:*

+ Thực hiện đánh số trang và bổ sung đầy đủ thông tin trong Sổ chứng thực; kiểm tra, sắp xếp hồ sơ, tài liệu chứng thực đảm bảo đầy đủ, gọn gàng theo thứ tự để thuận tiện cho việc quản lý, tra cứu hồ sơ.

+ Kiểm tra, bổ sung đầy đủ giấy tờ, tài liệu chứng thực hợp đồng, giao dịch theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 01, 07, 08, 22, 26, 31, 37, 46, 51, 54, 64, 80, 88, 90, 93, 96/2022; số 01, 03, 04, 05, 07, 08/2023; hồ sơ chứng thực hợp đồng tặng cho số 01, 10, 24, 58, 89, 97/2022; số 02, 06/2023; bổ sung bản sao giấy tờ tùy thân, bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 21, 39, 43, 70/2022; hồ sơ chứng thực hợp đồng tặng cho số 07, 29/2022)*). Bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và Văn bản khai nhận di sản thừa kế.

+ Khắc phục theo đúng quy định đối với các trường hợp hình thức hợp đồng, giao dịch chưa đảm bảo. Cụ thể: Người tiếp nhận hồ sơ phải ký vào trang lời chứng của hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 01/2020/TT-BTP (*hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 01, 64, 39/2022*); các bên tham gia giao dịch phải ký từng trang hợp đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (*hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng số 39, 43/2022*).

+ Khắc phục trường hợp chứng thực Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 90/2021 theo đúng với quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Cụ thể: Bổ sung bản sao giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, thu hồi hợp đồng mua bán số 90/2021, bổ sung thông tin về hợp đồng mua bán số 90/2021 trong nội dung Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 90/2021.

+ Rút kinh nghiệm về việc chỉnh sửa lỗi kỹ thuật trong Sổ chứng thực theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo UBND xã Tịnh Giang và công chức tư pháp - hộ tịch cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: *Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng, giao dịch, Chủ tịch UBND xã Tịnh Giang và công chức tư pháp - hộ tịch phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất; ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và UBND xã cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.*

- Tại khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất”*; Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“1. Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan. 2. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác”*;

Tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Tài sản chung vợ chồng bao gồm: Tài sản do vợ, chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân; Quyền sử*

dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”; khoản 2 Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch mà theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng”; khoản 1 Điều 26 Luật Hôn nhân và gia đình: “Việc đại diện giữa vợ và chồng trong việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản chung có giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản chỉ ghi tên vợ hoặc chồng được thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 của Luật này”; khoản 1 Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập”.

Từ những quy định nêu trên, khi chứng thực các hợp đồng, giao dịch có đối tượng tài sản là quyền sử dụng đất của hộ gia đình; quyền sử dụng đất chỉ ghi tên một người trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã phải kiểm tra thành viên hộ gia đình tham gia giao dịch; tình trạng hôn nhân của người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất.

- Tại Điều 612 Bộ luật Dân sự quy định: “Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”; Điều 611 Bộ luật Dân sự quy định: “Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết” và Điều 651 Bộ luật Dân sự quy định: “Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây: a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết; b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chất ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại. 2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. 3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản”.

Theo quy định trên, khi chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, Văn bản khai nhận di sản thừa kế, UBND xã cần phải kiểm tra xác định thời điểm mở thừa kế và những người được thừa kế di sản theo quy định, căn cứ để xác định dựa trên các loại giấy tờ, tài liệu như: Giấy chứng tử/Trích lục khai tử, Giấy chứng nhận kết hôn/văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy khai sinh...

- UBND xã Tịnh Giang cần nâng cao chất lượng trong công tác tuyên truyền, phổ biến để người yêu cầu chứng thực nhận thức rõ trách nhiệm đối với nội dung của hợp đồng, giao dịch và hệ quả pháp lý của việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp UBND xã phát hiện tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản bất hợp pháp hoặc đang có tranh chấp, đã hoặc đang là đối tượng của hợp đồng, giao dịch khác thì cơ quan thực hiện chứng thực lập biên bản vi phạm, giữ lại hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật theo Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

2. Đối với Phòng Tư pháp huyện Sơn Tịnh

Đề nghị Phòng Tư pháp huyện Sơn Tịnh thường xuyên theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, nhằm phát hiện những sai sót, tồn tại để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

V. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu UBND xã Tịnh Giang tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Tịnh Giang phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tịnh Giang;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Phòng Tư pháp huyện Sơn Tịnh;
- GD, các PGĐ Sở;
- CVP, CTr Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr(qb).

GIÁM ĐỐC

Tôn Long Hiếu